

Bản án số:44/2020/DS-ST

Ngày: 26/5/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Châu Vũ Sơn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Lâm Sơn**;
2. Bà **Đào Thị Thu Vân**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang** tham gia phiên Tòa: Ông **Lê Hoàng Vĩnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020 /TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà **Võ Thị NG**, sinh năm 1965; địa chỉ: số 75, ấp M T, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Tuyết T**, sinh năm 1966; địa chỉ: số 417, ấp N A, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

Ông **Nguyễn Trọng N**, sinh năm 1964; địa chỉ: số 417, ấp N A, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN;**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được, tại phiên tòa N đơn bà **Võ Thị NG** trình bày: Vào ngày 04/12/2016 âm lịch, bà có cho vợ chồng bà **Nguyễn Tuyết T** và ông **Nguyễn Trọng N** vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để làm vốn làm ăn, việc vay có làm biên nhận, ông N và bà T có ký nhận nợ. Số tiền này bà T và ông N có đóng lãi được 8 tháng x 3% x 15.000.000 đồng = 3.600.000 đồng. Cùng thời này bà có đưa thêm cho bà T và ông N 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999, mục đích để đáo hạn ngân hàng,

thỏa thuận trong thời gian ngắn sẽ trả lại, lãi suất 01 chỉ vàng/70.000 đồng/tháng, đã đóng được 08 tháng x 70.000 đồng x 20 chỉ = 11.200.000 đồng. Việc đóng lãi không làm biên nhận nợ.

Việc giao nhận vàng và tiền do bà trực tiếp giao nhận với ông N và bà T. Nay bà yêu cầu bà T và ông N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 15.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24kara loại 9999, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Tuyết T trình bày: Bà và ông Nguyễn Trọng N là vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng hiện nay vẫn còn sống chung trong gia đình. Bà thông nhất có vay số tiền 15.000.000 đồng và số vàng 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999. Trong biên nhận nợ ngày 20/12/2016 âm lịch, vợ chồng bà có ký nhận nợ và nhận tiền trực tiếp từ bà Võ Thị NG. Mục đích vay tiền, vàng để làm vốn làm ăn, thỏa thuận trả tiền và vàng trong thời gian ngắn nhưng không nói cụ thể là bao lâu. Về lãi suất: Phần tiền là 3%/tháng, vàng thỏa thuận lãi suất 70.000 đồng/01 chỉ/tháng, bà đóng được hai năm, cứ 04 tháng đóng 01 lần, mỗi lần nộp lãi của số tiền và vàng 5.600.000 đồng. Phần lãi bà đã nộp không có giấy tờ, không có gì chứng minh bà không có yêu cầu gì. Nay bà đồng ý trả số tiền 15.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Trọng N đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông không đến nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 04/12/2016, bà Võ Thị NG có cho ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, đã nhận lãi 3.600.000 đồng. Sau đó, ông N, bà T tiếp tục vay 20 chỉ vàng 24K (loại 9999), lãi suất 70.000 đồng/ chỉ/tháng, đã nhận lãi 11.200.000 đồng. Nay, yêu cầu ông N, bà T trả 15.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K (loại 9999), không yêu cầu tính lãi.

Phía bà T đồng ý trả bà NG 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) và 15.000.000 đồng, xin trả dần thành 02 đợt vào tháng 9/2020 và tháng 9/2021. Riêng, ông N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà NG với ông N, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và lập thành văn bản ngày 20/4/2016, có chữ ký của bà T, ông Nguyễn, phía bà T vẫn thừa nhận nợ đối với bà NG nên việc bà NG khởi kiện yêu cầu ông N, bà T liên đới trả 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) và 15.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất, bà NG đã nhận tổng cộng 14.800.000 đồng, trong đó lãi suất vay vàng là 11.200.000 đồng. Tuy nhiên, bà T cho rằng đã trả lãi 04 tháng/lần với số tiền 5.600.000 đồng/lần, trả liên tục 02 năm liền nhưng không có giấy tờ chứng minh. Xét thấy, vàng không phải là phương tiện giao dịch nhưng trong người dân vẫn phát sinh các hợp đồng vay vàng nên được công nhận theo Điều 463 Bộ luật dân sự nhưng không quy định về việc tính lãi suất cho vay vàng. Phía bà NG chỉ yêu cầu trả lại 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) không có yêu cầu tính lãi tiếp theo nên không đề cập đến. Riêng, số tiền lãi vàng bà NG đã nhận 11.200.000 đồng, bà T, ông N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị NG.
- Buộc ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T liên đới trả bà Võ Thị NG 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) và 15.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] N đơn khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T cư trú ấp N A, xã N M, huyện C M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trọng N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên Tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Qua lời trình bày của bà NG và các tài liệu, chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà NG với bà T, ông N có ký kết hợp đồng vay tài sản giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do bà T, ông N không trả số tiền, vàng khi bà NG có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên Tòa bà T trình bày số tiền và vàng bà vay để dùng trong sinh hoạt gia đình, từ khi vay bà có đóng lãi nhưng không làm biên nhận, không ai biết, bà cũng không có yêu gì đối với số tiền lãi mà bà đã đóng, bà cũng không yêu cầu khấu trừ số tiền lãi vào số vốn, bà xin trả dần thành 02 đợt, vào tháng 9/2020 và tháng 9/2021. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà T không được bà NG chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NG, buộc bà T, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà NG số tiền vay 15.000.000 đồng và số vàng 20 chỉ vàng 24kara (loại vàng 9999) là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét thấy tờ biên nhận nợ ngày 20 tháng 12 năm 2016 giữa bà T, ông N ký tên đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Thăm, ông N. Vì vậy bà NG yêu cầu

bà T, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng và số vàng 20 chỉ vàng 24 ka ra (loại 9999) là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị NG buộc bà Nguyễn Tuyết T, ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 15.000.000 đồng, 20 chỉ vàng 24kara (loại 9999) là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bà Võ Thị NG không tính lãi suất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Tuyết T, ông Nguyễn Trọng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

#### **Áp dụng:**

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị NG.

Buộc bà Nguyễn Tuyết T, ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị NG số tiền vốn vay 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và 20 chỉ vàng 24 ka ra (loại 9999).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Số tiền 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Số vàng 24 kara (loại 9999) tại thời điểm ngày 26/5/2020 có giá 01 chỉ 3.615.400 (ba triệu sáu trăm mười lăm ngàn bốn trăm đồng) x 20 chỉ (hai mươi chỉ) = 72.308.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng) x 5% = 3.615.400 đồng (ba triệu sáu trăm mười lăm ngàn bốn trăm đồng).

Tổng cộng số tiền 4.365.400 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm đồng).

Ông Nguyễn Trọng N, bà Nguyễn Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.365.400 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm đồng).

Bà Võ Thị NG được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.625.000 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008176 ngày 06.03.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**